



PHỦ KHUYẾN

ĐINH

2022

NGHIÊN CỨU KIẾN TRÚC NỘI THẤT TRUYỀN THỐNG

GVHD: HUỖNH VĂN THÔNG

LỜI TỰA

Cuốn sách này là thành quả sau một thời gian dài chúng tôi cùng nhau tìm hiểu và nghiên cứu, cùng nhau mở mang kiến thức về một công trình lâu đời tại Sài Gòn. Đó là Phú Nhuận Đình, một ngôi đình mang nét cung đình Huế ngày xưa. Đồng thời đây cũng là một công trình kiến trúc có giá trị và được công nhận là di tích cấp quốc gia. Có thể thấy, công trình đã trải qua nhiều giai đoạn lịch sử nên ít nhiều đã bị hư hại, xuống cấp. Chúng tôi đã đến đây, cùng nhau đo đạc lại công trình, nghiên cứu hoa văn cũng như tìm hiểu về bối cảnh lịch sử, cố gắng chắt lọc thông tin để có thể khái quát về công trình kiến trúc lâu đời này. Đến với đình, khắp nơi mang đến cảm giác cổ kính, trang nghiêm. Những chất liệu được sử dụng trong trang trí được tiếp thu từ những công trình ở cố đô Huế. Thông qua cuốn sách này, chúng tôi hi vọng rằng có thể góp phần bảo tồn một công trình có ý nghĩa lịch sử và giá trị nghệ thuật tại Sài Gòn. Đồng thời góp thêm một phần tư liệu vào công cuộc nghiên cứu nhằm phát huy vốn văn hóa truyền thống của dân tộc. Tuy nhiên, nội dung cuốn sách này còn những khiếm khuyết nhất định. Chúng tôi hi vọng sẽ nhận được ý kiến đóng góp chân tình của các nhà nghiên cứu cũng như đông đảo bạn đọc.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: TÌM HIỂU TỔNG QUAN

Đình làng

CHƯƠNG I NGHIÊN CỨU TỔNG QUAN



Đình là nơi thờ Thành Hoàng của các làng, đồng thời là nơi hội họp, bàn việc của dân làng. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa, tâm linh của cư dân và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam. Ở miền nam, những ngôi đình làng còn được gọi là Đình Thờ. Có lẽ sự phát triển của Nho giáo vào cuối thế kỷ XV đã dần đưa Thành Hoàng vào đình làng. Nhưng hiện nay dấu vết sớm nhất của đình làng gặp từ trước thế kỷ XVI. Trước đây đình thường chỉ có 3 gian và 2 trái. Gian giữa không có sạp, gian trong thờ Thành Hoàng, gian ngoài làng được bổ sung tòa tiền tế.

Đình làng phát triển mạnh mẽ giai đoạn thế kỷ XVI - XVII với những cái tên như: Thổ Hà, Trùng Thượng, Trùng Hà, Tây Đằng... Sự tàn phá của chiến tranh, điều kiện môi trường, thiên nhiên, mưa nắng mà bóng dáng của những ngôi đình cổ truyền dần mai một. Một điểm khác biệt rõ rệt là địa điểm, xây chùa và đền chọn nơi tĩnh mịch, có khi u tịch, khuất lối còn đình làng chủ yếu lấy địa điểm trung tâm, những vị trí gần ao hồ, sông nước. Nếu không có được ao hồ thiên nhiên thì dân làng có khi đào giếng khơi để có mặt nước, vì họ cho đó là điểm thịnh mãn cho làng.

Kiến trúc truyền thống được xây dựng dựa trên những nguyên tắc của thuật phong thủy. Địa điểm của đình khác đền chùa. Đình thường chọn nơi tĩnh mịch, có khi u tịch, khuất lối thì đình làng chủ yếu lấy địa điểm trung tâm. Lý tưởng nhất là đình có địa điểm thoáng đãng, gần ao hồ thiên nhiên thì dân làng có khi đào giếng khơi để có mặt nước phía trước đình cho đúng thế "tụ thủy" vì họ cho đó là điểm thịnh mãn. Đình làng thường làm bằng gỗ bao gồm các yếu tố nghiêng về trang trí và chạm khắc.

Đình làng thường là một ngôi nhà to, rộng được dựng bằng những cột gỗ tròn to thẳng tắp đặt trên những hòn đá tảng lớn. Vách đình cũng làm toàn bằng gỗ tốt như gỗ lim. Tường đình xây bằng gạch. Mái đình lợp ngói mũi hài, hai đầu hồi xây bít đốc hoặc đao. Nóc đình là hai con rồng chầu mặt nguyệt, tục gọi là "lưỡng long chầu nguyệt" hay "lưỡng long tranh châu".

Sân đình được lát gạch. Trước đình có hai cột trụ cao vút, trên đình được tạc hình con nghê. Trong đình, gian giữa có bàn thờ Thành hoàng. Một chiếc trống cái cũng được để trong đình để đánh vang lên theo nhịp ngũ liên thúc giục dân làng về đình tụ họp. Nhiều đình có có tám bình phong, điêu khắc thường thấy là đồ án Long Mã hoặc tạc hình con hổ nhìn ra để trấn trạch (trông giữ).

ĐÌNH LÀNG VÀ CHỨC NĂNG CỦA ĐÌNH

oạt văn hóa gắn bó với một cộng đồng
lân.

hất của đình làng thì Thành Hoàng chỉ
C. Cuối thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX đình

g, Chu Quyến, Hoàng Sơn,... nhưng do
mặt. Để phân biệt chùa với đình thì
mặt trung tâm. Vị trí xây đình thường là
phía trước đình cho đúng thể tự Thủy

trong khi chùa và đền chuộng địa điểm
nhìn ra sông nước. Nếu không có được
điểm thịnh mãn cho làng. Kiểu xây dựng

vi, kèo, xà ngang, xà dọc, xà gồ của
ặc làm bốn góc đầu đao cong. Trên

ờ, thờ một vị thần của làng gọi là
u họp bàn tính công việc của làng;
g miền Nam hay gọi là Bia ông Hổ).

ĐÌNH LÀNG BẮC BỘ

NGUỒN GỐC LỊCH SỬ

Khái niệm đình đã bắt đầu được khai sinh từ thời vua Hùng và vào thế kỉ X tiếp tục phát triển thành đình Trạm (nơi phục vụ các chuyến vi hành của các nhà vua thời Lý - Trần)
Vào thế kỉ XV, dưới thời các vua Lê thì khái niệm đình làng lúc này mới xuất hiện và giữ vai trò là trung tâm của làng xã.

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ PHONG THỦY

Đình thường được xây dựng tại địa điểm là trung tâm của làng, nhưng nơi có long mạch đặc địa, không gian thoáng mát hướng chính Nam

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

Dạng chữ Nhất
Dạng chữ Tam
Dạng chữ Đình
Dạng chữ Công
Dạng chữ Khẩu

CHỨC NĂNG

- Địa điểm sinh hoạt, tổ chức lễ hội, hội họp của dân làng
- Thờ tự thành Hoàng (những người có công với làng)

VẬT LIỆU

Gỗ Lim Trong Hệ Thống Kết Cấu
Đá Trong Hệ Thống Kết Cấu
Vữa Truyền Thống
Gạch Đất Nung

CỔNG

Dựa vào hình thức phân chia lối đi, có thể xếp cổng đình thành hai loại chính:
Cổng đơn, tức chỉ có duy nhất 1 lối ra vào
Cổng tam quan, tức cổng có 3 lối vào đình.Nhưng nếu dựa vào cách thức hay kết cấu kiến trúc thì lại có nhiều dạng khác nhau, tùy mỗi địa phương làng xã.

BÌNH PHONG

Bình phong thường không hiện diện phổ biến đối với đặc-trưng đình miền Bắc

SÂN

Gồm có bình phong, lư hương, các bồn cây, ở hai bên được trang trí đối xứng, được trồng các cây nhân và tùng.
Không có đây Tả vu, Hữu vu ở hai bên sân, không có tòa Tiền tế phía trước và Hậu cung phía sau.

MÀU SẮC CHÍNH

Để màu nguyên của gỗ, được phết lớp sơn bảo quản. Các hiện vật như hương án và hoành phi được sơn màu đỏ và sơn son,thếp vàng

CÔNG TRÌNH CHÍNH

Gồm 3 công trình:
Đình làng (nơi thờ tự)
Hội trường làng (nơi sinh hoạt người
Nhà phụ (đóng vai trò kho chứa đồ)
Nhà ở của người gác Đình

CẤU TẠO

- Cột: Hàng cột hiên được xây dựng bê tông, có hình rồng uốn lượn cùng với những đám mây và được gắn sành sứ . Riêng phần đầu cột được làm bằng cột gỗ.
- Cửa trước: Không có hệ thống cửa, chỉ có hàng thanh sắt được làm để ngăn cách ở vị trí của 3 gian và 2 chái nội của phía trước đình . Có cửa hông bằng gỗ ở hai vị trí tường của chái ngoại.
- Hiên : Cấu tạo mái lợp ngói liệt . Có hình thức trang trí thêm nóc mái hiếm thấy . Nhờ đó, nếu nhìn ở trước sẽ thấy giống như có hai mai nhà nối tiếp nhau nhưng cũng vì cấu tạo trang trí mái này mà hiện nay nước mưa bị đọng trên mái khiến mái bị sụp xuống khiến công trình bị hư hại.
- Sàn: Sàn phía trước Đình đổ bê tông rêu xanh, dễ trơn trượt vào mùa mưa.
- Mái: Mái được lợp ngói liệt truyền thống Các đường sông mái được đắp bằng xi măng và có khảm sành, sứ với họa tiết long, lân, quy, phụng mây cách điệu, hoa lá, quả cầu lửa.

HÌNH THỨC THỂ HIỆN

Chạm khắc, khảm, sơn

VẬT LIỆU THỂ HIỆN

Gỗ, vữa, sành sứ

ĐỀ TÀI THỂ HIỆN

Tứ linh, bát bửu,
Bộ cây tử quý, cây hóa rồng, trái cây,...

THỜI KỲ PHÁT TRIỂN

Thời nhà Nguyễn

ĐÌNH LÀNG TRUNG BỘ

NGUỒN GỐC LỊCH SỬ

Người Việt trong quá trình mở mang bờ cõi về phía Nam, định cư lập nghiệp trên vùng đất mới/Quảng Trị họ đã mang theo văn hoá, tín ngưỡng từ quê cha đất tổ. Trong buổi sơ khai còn nhiều khó khăn, người Việt chưa có điều kiện để dựng đặt những ngôi đình khang trang như ở quê nhà, họ đã biết chọn một địa điểm quan trọng trên địa vực cư trú để làm nơi cúng tế, cầu bình an, cầu mưa thuận gió hoà... những địa điểm này được xem như là đình làng nhằm duy trì nét văn hoá tín ngưỡng của cộng đồng làng xã trên vùng đất mới.

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ PHONG THỦY

Đình không nhất thiết phải dựng trên gò cao, nhưng phía sau và hai bên cần có những chỗ đất cao để làm “tay ngai” (tay Long, tay Hổ) và mặt trước đình cần có nước. Đó là thế đất “tụ thủy” mà “tụ thủy” cũng có nghĩa là tụ “Linh” và “Phúc”. Đất dựng đình đặc biệt cần tránh những nơi sụt lổ, nơi “thoái thủy”. Bên cạnh yếu tố tụ thủy nếu có thêm yếu tố “tụ sơn” hay địa hình nổi lên gò đồng như hoa sen, rồng lượn, phụng múa, rùa bò (trong quan niệm tứ linh) thì càng tốt. Thường chọn hướng Nam, Đông Nam.

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

Dạng chữ Nhất

Dạng chữ Nhị

Dạng chữ Đinh

CHỨC NĂNG

Thờ cúng Thành hoàng làng và các vị tiên khai khẩn, hậu khai canh của làng.

Nơi diễn ra các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng của cả cộng đồng: nơi thờ thần bảo hộ của làng là thần Thành Hoàng và các chư vị thần thánh trong một ý niệm “bách thần sở hội”, nơi diễn ra các hoạt động nhóm họp, bàn bạc việc công làng xã, tổ chức lễ hội vào dịp tết lễ xuân thu nhị kì....

VẬT LIỆU

Trụ biểu được xây bằng đá bazan chẻ, trét mạch bằng vữa xi măng.

Bức bình phong được xây bằng gạch và trang trí bằng cách đắp nổi vôi vữa

Gạch đất nung

CỔNG

Cổng đình trần tương đối phong phú, có nhiều loại khác nhau. Một số đình làng được xây dựng qui mô lớn thì có bố cục gồm 2 lớp cổng. Lớp cổng thứ nhất tạo nghi môn. Lớp cổng thứ hai là vào không gian thờ cúng/không gian thiêng. Một số đình qui mô nhỏ thì chỉ có một lớp cổng. Kiến trúc của cổng cũng có nhiều loại: cổng tam quan, cổng có mái... Từ ngoài vào là lớp cổng thứ nhất, theo kiểu tam quan gồm 4 trụ biểu tạo thành nghi môn, mở thành 3 lối, ở giữa là lối chính, hai bên hai lối phụ. Các trụ biểu tạo khối hình trụ vuông, hai trụ ở giữa cao, hai trụ hai bên thấp hơn. Trên đầu trụ biểu được tạo cách điệu thành 2 tầng mái được trang trí với các đầu rồng và dây lá; lớp cổng thứ hai cũng được xây dựng theo kiểu tam quan gồm 4 trụ biểu, mở thành 3 lối tương tự. Các trụ biểu tạo khối hình trụ vuông, hai trụ ở giữa cao, hai trụ hai bên thấp hơn. Trên đầu trụ biểu được tạo kiểu lồng đèn, có 4 mái, các bờ mái uốn cong trang trí hình giao long.

BÌNH PHONG

Hầu hết các ngôi đình trần đều có hai bình phong: bình phong tiền và bình phong hậu. Bình phong tiền đặt phía sau nghi môn. Chức năng của bình phong tiền nhằm trấn át các thế lực xấu và xua đuổi các luồng khí không tốt; đồng thời tô điểm và làm đẹp cho các công trình tâm linh đình, miếu. Bình phong tiền được trang trí mỹ thuật tạo điểm nhấn trong kiến trúc, thường trang trí theo mô típ chung: tạo hình cuốn thư, các đồ án “long mã chở lạc thu”, “hổ phụ vờn hổ tử”... Bình phong hậu được tạo dựng từ la thành hậu của vòng thành trong và thiết kế cao hơn so với tường thành.

SÂN

Gồm có bình phong, lư hương, các bồn cây, ở hai bên được trang trí đối xứng. Sân được bao bọc bởi hệ thống la thành được xây theo lối kiến trúc “phương hình” (dạng hình vuông hoặc chữ nhật)

MÀU SẮC CHÍNH

Hoành phi bằng gỗ được sơn son thếp vàng
Để màu nguyên của gỗ

CÔNG TRÌNH CHÍNH

Phân định không gian nội thất thành 2 phần là: tiền đường và hậu liêu. Tiền đường thường được dùng làm nơi sinh hoạt, hội họp, ăn uống. Hậu liêu làm nơi thờ tự, là chốn trang nghiêm.

CẤU TẠO

- Kiến trúc đình làng được xây dựng theo một mô thức kiến trúc độc đáo mà người ta quen gọi là kiểu nhà Rường với kết cấu của một bộ khung gỗ chịu lực có từ 3 đến 5 gian và 2 chái, được liên kết bởi các thành phần cấu kiện gỗ lại với nhau. Nó không giống như cấu trúc khung gỗ chịu lực ở kiến trúc miền Bắc và càng khác biệt so với kiến trúc ở miền Nam.
- Mái: kiến trúc mái đình truyền thống 4 mái, gồm 2 mái chính ở phía trước và phía sau, cùng 2 mái phụ ở hai đầu hồi của đình. có đầu đao cong kiểu mái thuyền mềm mại và thanh thoát, mang hình tượng mạnh mẽ, uy nghiêm của chốn linh thiêng. Nóc mái là mô-típ “lưỡng long châu nguyệt”. Góc mái của đình được trang trí các hình lân và giao long.
- Cột: cột thường bằng gỗ có kích thước lớn, bào nhẵn; một số Đình làng có cột cái được sơn màu, trang trí rồng mây.
- Cấu kiện gỗ: được chạm khắc tinh tế, đề tài thường là tứ linh, tứ quý...
- Cửa trước: thường sử dụng hệ cửa gỗ bức bàn.
- Sàn: lát gạch đất nung

HÌNH THỨC THỂ HIỆN

Chạm khắc, khảm, sơn

VẬT LIỆU THỂ HIỆN

Gỗ, đắp vữa, ghép mảnh sứ

ĐỀ TÀI THỂ HIỆN

Bộ tứ linh Long, Lân, Quy, Phụng
Bộ tứ quý thông, mai, cúc, trúc
Giao lá, lưỡng long châu nguyệt .

THỜI KỲ PHÁT TRIỂN

Thời nhà Nguyễn

ĐÌNH LĂNG NAM BỘ

NGUỒN GỐC LỊCH SỬ

Từ cuối thế kỷ XVII, người Việt từ miền Trung di cư đến vùng đất phía Nam sinh sống và đã tạo dựng nên Đình làng.

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ PHONG THỦY

Thường được xây dựng ở vị trí cao ráo, tiện việc đi lại, ít bị chi phối bởi thuật phong thủy.

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

Dạng chữ Nhị
Dạng chữ Nhất
Dạng chữ Tam
Dạng chữ Công

CHỨC NĂNG

Là nơi thờ thần Thành hoàng, vị thần chủ tế trên cõi thiêng của thôn làng.

VẬT LIỆU

Bức bình phong được xây bằng gạch và trang trí bằng cách đắp nổi vôi vữa
Gạch đất nung, gạch men đỏ

CỔNG

Được xây dựng bằng bê tông. Kiến trúc là cổng tam quan, mái lợp ngói

BÌNH PHONG

Nằm chính giữa phía trước sân đình. Mặt bình phong thường đắp nổi hoặc vẽ cảnh còp vàng (hoàng hổ) đứng bên gộp đá lờm chờm, có một cây cổ thụ gie cành lá; hoặc cảnh long mã chở cái phù đồ, hoặc cảnh long hổ hội (còp dưới đất ngược lên nhìn rồng đang bay ẩn trong mây nhìn xuống); cốt để biểu thị âm dương hòa hợp.

SÂN

Thường có đàn thờ Thần Nông (tức Tắc thần), có nơi lập đàn tế chung với thần Thần Đất (tức Xã thần) gọi là đàn Xã Tắc. Hai bên đàn thường là các miếu thờ còp (Chúa xứ Sơn quân), miếu thờ Hội đồng hoặc miếu thờ nữ thần (có thể là một trong các nữ thần sau: Năm Bà ngũ Hành, Chúa Xứ Nguyên Nhung, Linh Sơn Thánh Mẫu, Chúa Tiên, Chúa Ngọc...).

Gồm có bình phong, lư hương, cột cờ và bốn cây

MÀU SẮC CHÍNH

Câu đối, hoành phi bằng gỗ được sơn son thếp vàng
Tường sơn màu vàng là chủ yếu

CÔNG TRÌNH CHÍNH

Gồm 3 gian chính: -Võ ca (gian trước), dành làm nơi xây chầu và hát tuồng vào mỗi dịp lễ Kỳ yên.
Võ quy còn gọi vỏ cua hay nhà chầu (gian giữa)
Chính điện hay Chính tẩm (gian cuối), là gian được coi là mỹ thuật nhất ở đình, gồm hoành phi, câu đối, khám thờ, các bao lam và các mảng phù điêu... Ở gian này, đối tượng thờ chính là Thành Hoàng làng
Ngoài ra, ở hiên phụ (cắt dọc theo các gian chính), có thờ thêm Tả ban, Hữu Ban, Tiên sư, Tiền hiền, Hậu hiền... Và tùy theo diện tích đình, mà có thể có thêm:
Nhà hậu hay nhà hội, để hương chúc, ban tế tự hội hợp; để dân làng qui tụ chuẩn bị lễ cúng tế.
Nhà trù (nhà bếp) và nhà ở của ông Từ giữ đình v.v...

CẤU TẠO

Mái: thường lợp ngói âm dương hoặc ngói ống kiểu Trung Quốc, ngói kiểu vẩy cá (kiểu Pháp, có sau năm 1920); trên nóc thường gắn những hình sành tráng men màu như Lưỡng long tranh châu, chim phượng ngậm cuốn thư, lân mẹ dạy lân con, cá hóa long, bát tiên, ông mặt trời, bà Mặt Trăng, con nạ (một loài thủy quái theo truyền thuyết); nhằm tượng trưng cho âm dương hòa hợp, sung túc, thiêng liêng.

Cột trong gian chính: cột tròn bằng gỗ lim

Cột bên ngoài trước nhà: cột xi măng vuông vức thường được trang trí bằng các câu đối hoặc cột tròn trang trí hoa văn.

Cửa trước: thường sử dụng hệ cửa gỗ bức bàn.

Sàn: lát gạch đất nung, gạch men đỏ

HÌNH THỨC THỂ HIỆN

Chạm khác, khảm, sơn

VẬT LIỆU THỂ HIỆN

Gỗ, vữa, sành sứ

ĐỀ TÀI THỂ HIỆN

Bộ Tứ linh

Lưỡng long chầu nguyệt (hai con rồng chầu Mặt Trăng), hoặc là lục long ngự thiên (sáu con rồng bay về trời), ngũ phụng hàm thư (năm con phụng ngậm tờ thư).

THỜI KỲ PHÁT TRIỂN

Thời nhà Nguyễn



ĐÌNH LÀNG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Đình làng là biểu tượng truyền thống của làng xã Việt Nam. Đình được hình thành ở Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Nam Bộ như một nhu cầu tất yếu về văn hóa, tín ngưỡng của những lưu dân người Việt trong buổi đầu khai hoang, lập ấp. Di sản kiến trúc đình như một “nhân chứng” cho lịch sử hình thành và phát triển của Thành phố, phản ánh nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc dân gian, giáo dục những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Đình trở thành biểu tượng của niềm tin và sự gắn kết cộng đồng, là khát vọng của người dân về cuộc sống ấm no và hạnh phúc ở vùng đất mới. Trong tâm trí của nhiều người con lớn lên từ những miền thôn quê dân dã, đình làng gợi lên những kỷ niệm về tuổi thơ, là sự bình dị của quê hương, nơi đó có gia đình, bè bạn, có những tháng ngày dịu êm đáng nhớ.

Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay trở thành chốn thị thành từ những thôn làng của tỉnh Gia Định, cho nên đến nay cũng gìn giữ được khoảng hơn 300 ngôi đình sau hơn 300 năm hình thành và phát triển. Theo dòng chảy của thời gian và sự phát triển đô thị, vai trò và vị trí của đình dần mai một trong đời sống hàng ngày nhưng trong mỗi người dân tại thành phố này thì vẫn còn cháy mãi như nó đã ăn sâu vào trong tiềm thức của mỗi con người.



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Đình làng được ra đời trong thời kỳ xã hội rối ren. Đó là giai đoạn thế kỷ 16 và 17. Là thời điểm xảy ra các cuộc nội chiến giữa các tập đoàn phong kiến: nhà Trịnh và nhà Mạc ở miền Bắc, nhà Trịnh và nhà Nguyễn ở phía nam.

Triều đình suy thoái, nhân dân lầm than, làng xã tách khỏi sự quản lý của nhà nước. Vua chúa ăn chơi sa đọa, các thế lực quan lại cường hào lộng quyền chính vì thế mà một số nho sĩ bất mãn đã dứt áo quay trở về quê hương, lấy những sinh hoạt và hoạt động lễ hội tại địa phương làm chỗ dựa tinh thần. Những tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, gia đình, dòng họ đã trở thành một nét tín ngưỡng, một nét đẹp tinh thần của người dân Việt Nam lúc bấy giờ.

Để có thể tập trung, bàn bạc công việc cũng như tổ chức các nét đẹp văn hóa nêu trên, đình làng đã trở thành nơi sinh hoạt chung cho cả làng. Đình là nơi thờ Thành hoàng làng, những người có công với làng xã, các anh hùng dân tộc. Đình làng cũng từ đó mà trở thành nơi sinh hoạt, nơi tổ chức các lễ hội. Đình làng chứng kiến những cảnh sinh hoạt của người dân, là nơi gắn bó gắn gũi với người dân thôn quê. Chính vì thế mà đình làng luôn là hình ảnh đầu tiên hiện lên trong tâm trí của những người con xa quê.

ĐẶC TRƯNG KIẾN TRÚC

CẢNH QUAN

Thường được xây dựng ở vị trí cao ráo, tiện việc đi lại, ít bị chi phối bởi thuật phong thủy.
Sân thường có nhiều bồn cây và trồng cây cổ thụ.

HƯỚNG ĐÌNH

Gắn liền với khu ở của dân làng, thuận đường nối với các ngõ, thôn, thế đất thoáng đãng, tuân theo nguyên tắc địa lý phong thủy. Thường chọn hướng Nam, Đông Nam.

BỐ CỤC

Gồm 3 gian chính:
Võ ca (gian trước)
Võ quy (gian giữa)
Chính điện hay Chính tẩm (gian cuối)

VÕ CA

Võ ca (gian trước), dành làm nơi xây chầu và hát tuồng vào mỗi dịp lễ Kỳ yên.

VÕ QUY

Võ quy còn gọi võ cua hay nhà châu (gian giữa) đặt bàn thờ 18 đời vua Hùng, bàn thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh; và cũng có nơi dùng làm chỗ cho các chức sắc châu lễ, cầm châu (mỗi khi hát bội) hoặc hội họp.

CHÍNH ĐIỆN

Chính điện hay Chính tẩm (gian cuối), là gian được coi là mỹ thuật nhất ở đình, gồm hoành phi, câu đối, khám thờ, các bao lam và các mảng phù điêu... Tất cả đều được chạm khắc, sơn son thếp vàng đẹp đẽ, tinh tế. Ở gian này, đối tượng thờ chính là Thành Hoàng làng.
Ngoài ra, ở hiên phụ (cắt dọc theo các gian chính), có thờ thêm Tả ban, Hữu Ban, Tiên sư, Tiên hiền, Hậu hiền.

CỘT

Cột trong gian chính: cột tròn bằng gỗ lim
Cột bên ngoài trước nhà: cột vuông bê tông cốt thép

MIEU THỜ

Diện tích nhỏ, thường nằm trong khuôn viên sân vườn.
Miếu thường thờ thổ thần và hậu thổ

TÍN NGƯỠNG TÔN THỜ

BÌNH PHONG

Bình phong nằm chính giữa phía trước sân đình. Mặt bình phong thường đắp nổi hoặc vẽ cảnh cọp vàng (hoàng hổ) đứng bên gộp đá lờm chờm, có một cây cổ thụ gieo cành lá; hoặc cảnh long mã chở cái phù đồ, hoặc cảnh long hổ hội (cọp dưới đất ngước lên nhìn rồng đang bay ẩn trong mây nhìn xuống); cốt để biểu thị âm dương hòa hợp

KHÔNG GIAN PHỤ

Tùy theo diện tích đình, mà có thể có thêm:

Nhà hậu hay nhà hội, để hương chúc, ban tế tự hội họp; để dân làng quy tụ chuẩn bị lễ cúng tế.

Nhà trù (nhà bếp) và nhà ở của ông Từ giữ đình...

TÍN NGƯỠNG TÔN THỜ

Khác với ngôi đình làng Bắc Bộ, chỉ thờ thần Thành hoàng, đình Nam Bộ có hệ thống thờ tự phong phú hơn.

Ở TP.HCM cùng với việc thờ Thành hoàng, đình còn thờ nhiều vị thần của nhiều dân tộc khác nhau, như: Tiền hiền, Hậu

hiền, Thiên Hậu, Thánh Mẫu, Phật Bà Quan Âm, Ma Ha Cẩn, Thiên Y

A Na, Quan Vân Trường, Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng liệt sĩ,....

Nói chung, đối tượng thờ cúng ở đình TP.HCM rất đa dạng cả thần linh truyền thống và hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu và quan niệm tín

ngưỡng của người Việt và các dân tộc anh em cùng sinh sống trong vùng đô thị.

TRANG TRÍ ĐẶC TRƯNG

CỘT

Các cột đình thường để mộc, bào nhẵn, cũng có những đình làng cột cái được sơn son thếp vàng, trang trí rồng mây.

TƯỜNG

Tường trang trí đơn giản, được sơn màu trơn như trắng, vàng....

MÁI

Mái đình thường lợp ngói âm dương hoặc ngói ống, ngói kiểu vảy cá; trên nóc thường gắn những hình sành tráng men màu như Lưỡng long tranh châu, chim phượng ngậm cuốn thư, lân mẹ dạy lân con, cá hóa long, bát tiên, ông mặt trời, bà mặt trăng nhằm tượng trưng cho âm dương hòa hợp, sung túc, thiêng liêng.

BAO LAM – HOÀNH PHII

Những cửa võng (bao lam) hay những bức hoành, trang trí ở khám thờ hay bàn thờ với những đề tài như tứ linh, lưỡng long tranh châu, long vân, mai điều, mây hạc, cúc trĩ, hoa lá, bát tiên ... và thường thể hiện ở dạng sơn son thếp vàng

ĐẦU CỘT

Đầu cột thường không trang trí hoặc trang trí đơn giản lấy cảm hứng từ cột tân cổ điển.

SÂN

Thường không có trang trí đặc trưng nhiều, thường chỉ có bình phong, lư hương và trồng thêm nhiều cây cảnh.

HÌNH THỨC THỂ HIỆN

Trang trí trong đình thần được thể hiện qua:

Điêu khắc

Chạm trổ

Khảm sành sứ

Sơn son thếp vàng

MÀU SẮC

Màu của các mảng sành, sứ ghép trong nghệ thuật trang trí ghép mảnh. Ngoài màu gỗ tự nhiên của bộ khung kiến trúc, còn có màu sắc của các thành phần trang trí trên kiến trúc và đồ thờ, được người thợ sơn, phủ lên bằng các loại sơn truyền thống. Trong số những màu sắc được sơn phủ, màu đỏ chiếm số lượng nhiều hơn cả; ngoài ra các màu vàng, đen cũng thường được sử dụng. Có khi một đồ thờ nhưng được kết hợp hai hoặc ba màu vàng - đỏ - đen...

ÁNH SÁNG

Các đình thường sử dụng chủ yếu là ánh sáng tự nhiên với không gian mở. Ánh sáng nhân tạo trong các gian thờ thường sử dụng ánh sáng trắng, tại một số bàn thờ lớn sẽ có thêm ánh sáng vàng hoặc đỏ để tăng thêm tính tôn nghiêm và tâm linh.

HỌA TIẾT PHỔ BIẾN

Tứ quý, Tứ linh, Bát quả, Bát bửu,...

Lưỡng long châu nguyệt (hai con rồng châu Mặt Trăng)

Họa tiết sóc và chùm nho, cá hóa long...





LỄ HỘI ĐẶC TRƯNG LỄ HỘI KỶ YÊN

Lễ cúng Kỳ Yên, tức là lễ cầu cho dân trong làng được bình yên trong năm. Nhưng trong văn hóa dân gian Nam bộ, thì lễ Kỳ Yên được xem là lễ tế Thành hoàng lớn nhất trong năm.

Đặc trưng của lễ Kỳ Yên ở Đình thần là nghi thức xây châu, hát bội. Lễ này bắt nguồn từ quan niệm dịch lý của đạo nho đó là: Thuận đạo trời, an đạo đất, hòa đạo người.

Hát bội là loại hình nghệ thuật sân khấu tồn tại rất lâu đời ở Việt nam nói chung, Nam bộ nói riêng. Các tuồng thường chọn diễn đều là các trích đoạn có tích, có hậu như: San Hậu (tôn vương), Phàn Lê Huê (tôn nữ soái), Tiết Nhơn Quý (tôn soái), Lưu Kim Đính, Thân nữ dâng ngũ linh kỳ, Trần Bình Trọng, Sát Thát (tức nhà Trần chống quân Nguyên Mông), Trưng Nữ Vương...

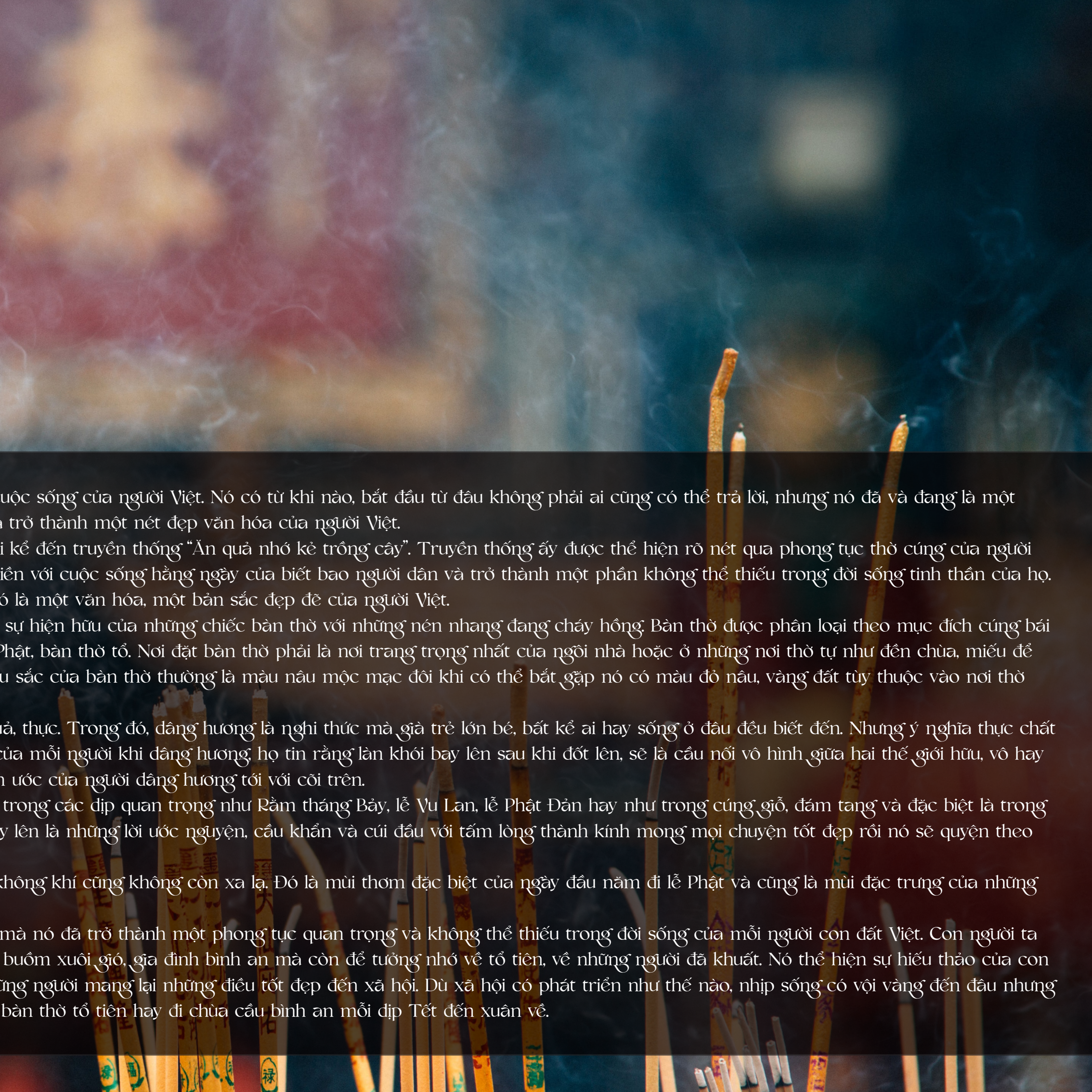
Giá trị kết nối ở các lễ hội Kỳ yên của Đình thần Nam bộ nói chung đều mang lại đó là sự trao truyền những nét đẹp văn hóa từ cổ đến kim, từ những con người được sinh ra và lớn lên ở vùng đất của ông cha mình gây dựng, đến những người mới đến định cư sinh sống. Tất cả họ đều đã coi nơi đây là điểm tựa tinh thần, là nơi để họ hướng về cội nguồn, tìm ký ức quê hương và hướng đến những giá trị tốt đẹp.

THỜ CÚNG NET VĂN HÓA VIỆT

Thờ cúng là một phong tục tập quán đã ăn sâu vào c
món ăn tinh thần không thể thiếu trong cuộc sống và
Việt Nam là đất nước giàu truyền thống, trong đó ph
Việt. Phong tục đó đã và đang là một hoạt động gắn l
Thờ cúng không chỉ là một phong tục tập quán mà n
Bước chân vào mỗi ngôi chùa , không thể không thấy
gồm các loại phổ biến như bàn thờ gia tiên, bàn thờ
thể hiện sự thiêng liêng cũng như lòng thành kính. M
cúng.

Trong thờ cúng thường dâng hương, hoa, đăng, trà, qu
của nó là gì, thì vẫn còn rất mơ hồ. Trong tâm thức c
âm, dương với nhau. Nó sẽ mang những tâm ý, nguyện
Hình ảnh khói bay ngập trời được bắt gặp nhiều nhất
ngày đầu năm mới. Cùng với làn khói trắng mờ ảo bay
làn khói thơm hương về cõi linh thiêng.

Mùi hương từ những cây nhang tỏa ngát ngập trong k
ngôi chùa, đền thờ và trong từng ngôi nhà người Việt.
Đã từ lâu thờ cúng không còn là một tín ngưỡng nữa
thờ cúng đâu chỉ để cầu mong mọi chuyện đều thuận
cháu đối với ông bà, cha mẹ hay sự biết ơn đối với nh
chắc có lẽ sẽ không ai quên thắp một nén hương lên



cuộc sống của người Việt. Nó có từ khi nào, bắt đầu từ đâu không phải ai cũng có thể trả lời, nhưng nó đã và đang là một phần trở thành một nét đẹp văn hóa của người Việt.

Nhất kể đến truyền thống “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Truyền thống ấy được thể hiện rõ nét qua phong tục thờ cúng của người Việt. Thờ cúng tổ tiên với cuộc sống hàng ngày của biết bao người dân và trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của họ. Đó là một văn hóa, một bản sắc đẹp đẽ của người Việt.

Sự hiện hữu của những chiếc bàn thờ với những nén nhang đang cháy hồng. Bàn thờ được phân loại theo mục đích cúng bái Phật, bàn thờ tổ. Nơi đặt bàn thờ phải là nơi trang trọng nhất của ngôi nhà hoặc ở những nơi thờ tự như đền chùa, miếu để tôn vinh sắc của bàn thờ thường là màu nâu mộc mạc đôi khi có thể bắt gặp nó có màu đỏ nâu, vàng đất tùy thuộc vào nơi thờ

thờ, nhà, thực. Trong đó, dâng hương là nghi thức mà già trẻ lớn bé, bất kể ai hay sống ở đâu đều biết đến. Nhưng ý nghĩa thực chất của mỗi người khi dâng hương, họ tin rằng làn khói bay lên sau khi đốt lên, sẽ là cầu nối vô hình giữa hai thế giới hữu, vô hay là ước nguyện của người dâng hương tới với cõi trên.

Nhất kể trong các dịp quan trọng như Rằm tháng Bảy, lễ Vu Lan, lễ Phật Đản hay như trong cúng giỗ, đám tang và đặc biệt là trong những dịp lễ tết, lễ hội thì hương khói là những lời ước nguyện, cầu khẩn và cúi đầu với tấm lòng thành kính mong mọi chuyện tốt đẹp rồi nó sẽ quyện theo

không khí cũng không còn xa lạ. Đó là mùi thơm đặc biệt của ngày đầu năm đi lễ Phật và cũng là mùi đặc trưng của những

ngày đầu năm mà nó đã trở thành một phong tục quan trọng và không thể thiếu trong đời sống của mỗi người con đất Việt. Con người ta mong cầu mưa thuận gió hòa, gia đình bình an mà còn để tưởng nhớ về tổ tiên, về những người đã khuất. Nó thể hiện sự hiếu thảo của con người, mong người mang lại những điều tốt đẹp đến xã hội. Dù xã hội có phát triển như thế nào, nhịp sống có vội vàng đến đâu nhưng hương khói bàn thờ tổ tiên hay đi chùa cầu bình an mỗi dịp Tết đến xuân về.

THỜ SINH THỰC KHÍ

Thờ sinh thực khí (sinh = đẻ, thực = nẩy nở, khí = công cụ) là hình thái đơn giản của tín ngưỡng phồn thực. Nó phổ biến ở hầu hết các nền văn hóa nông nghiệp trên thế giới. Nhưng khác với hầu hết các nền văn hóa khác là chỉ thờ sinh thực khí nam, tín ngưỡng phồn thực Việt Nam thờ sinh thực khí của nam lẫn nữ. Việc thờ sinh thực khí được tìm thấy ở trên các cột đá có niên đại hàng ngàn năm trước Công nguyên. Ngoài ra nó còn được đưa vào các lễ hội, lễ hội ở làng Đồng Kỵ (Bắc Ninh) có tục rước cặp sinh thực khí bằng gỗ vào ngày 6 tháng giêng, sau đó chúng được đốt đi, lấy tro than chia cho mọi người để lấy may.

THỜ VIỆC SINH ĐẸ

Ngoài việc thờ sinh thực khí, tín ngưỡng Việt Nam còn thờ hành vi giao phối, đó là một đặc điểm thể hiện việc chú trọng đến các mối quan hệ của văn hóa nông nghiệp, nó đặc biệt phổ biến ở vùng Đông Nam Á. Các hình nam nữ đang giao phối được khắc trên mặt trống đồng tìm được ở xã Đào Thịnh (Yên Bái), có niên đại 500 trước Công nguyên. Ngoài hình tượng người, cả các loài động vật như cá sấu, gà, cóc,... cũng được khắc trên mặt trống đồng Hoàng Hạ (Hòa Bình).

THỜ ĐỘNG VẬT

Trong phong tục, tín ngưỡng dân gian việc thờ cúng tự nhiên đã giữ một vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của người dân, và trong các tín ngưỡng dân gian đó phải kể đến Tín ngưỡng thờ động vật hay còn gọi là tục thờ thú. Người Việt Nam là dân tộc đa dạng trong việc thờ các vị thần có nguồn gốc từ động vật, họ thờ những con vật mạnh mẽ như thờ hổ, cá voi, thờ ngựa, thờ rắn, thì người Việt còn thờ các con vật hiền cóc, chó, cá, hạc, dơi, các con vật đó gắn gũi với cuộc sống của người dân của một xã hội nông nghiệp. Người dân còn đẩy các con vật lên thành mức biểu trưng như Tiên, Rồng. Theo truyền thuyết thì tổ tiên người Việt thuộc “họ Hồng Bàng” (có nghĩa là một loài chim nước lớn), thuộc giống “Rồng Tiên”. Con rồng có đầy đủ đặc tính của lối tư duy nông nghiệp: tổng hợp của cá sấu, rắn; sinh ra ở dưới nước nhưng lại có thể bay lên trời mà không cần cánh; có thể vừa phun nước vừa phun lửa. Có rất nhiều địa danh Việt Nam có tên liên quan đến rồng như Thăng Long, Hạ Long, sông Hoàng Long, cầu Hàm Rồng.

THỜ CÂY CỐI

Thú cây cối được tôn sùng nhất là cây lúa, có Thần Lúa, Hồn Lúa, Mẹ Lúa,... đôi khi còn thấy còn thờ Thần Cây Đa, Cây Cau. Các câu chuyện về ma cây cũng khá phổ biến, nhất là chuyện hồn ma quanh quẩn bên gốc cây chỗ người chết, trong truyền thuyết có cây Chiên Đàn gắn với thần hổ Xương Cuồng. Một số dân tộc còn có tập tục thờ hòn đá (hòn đá vía) nhưng nó cũng dẫn đến những biểu hiện mê tín

THỜ NGƯỜI

Ngoài phồn thực, tự nhiên, tín ngưỡng Việt Nam rất coi trọng con người. Họ cũng hay thờ con người, đặc biệt là thờ sống và phong thánh, chẳng hạn như người ta phong Trần Hưng Đạo là Đức Thánh Trần, Nguyễn Minh Không là Đức Thánh Nguyễn hay thờ những người được mến trọng như Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp...

THỜ QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG

Ở phạm vi quốc gia, người Việt thờ Vua tổ, đó là Vua Hùng. Nơi thờ phụng ở Phong Châu, Phú Thọ. Ngày giỗ tổ là ngày 10 tháng 3 âm lịch. Ngày 6 tháng 12 năm 2012, Tổ chức văn hóa giáo dục Liên Hợp Quốc đã ra quyết định công nhận Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

THỜ TỔ TIÊN

Người Việt là một trong những dân tộc có tục thờ cúng tổ tiên sâu đậm và sớm nhất, nó gần như trở thành một tôn giáo: Đạo ông bà. Người phương tây coi trọng ngày sinh thì người Việt coi trọng ngày mất. Họ cho rằng người đã mất đi về nơi chín suối. Bàn thờ tổ bao giờ cũng được đặt ở nơi trang trọng nhất. Ngày xưa khi cúng lễ bao giờ cũng có nước (hoặc rượu) cùng với những đồ tế lễ khác như vàng mã. Sau khi cúng xong thì đem đốt vàng mã rồi đổ rượu hoặc nước lên đồng tro tàn—khói bay lên trời, nước hòa với lửa thấm xuống đất—theo họ như thế tổ tiên mới nhận được. Hành động đó được cho là sự hòa quyện Nước-Lửa (âm dương) và Trời - Đất - Nước (tam tài) mang tính triết lý sâu sắc.

THỜ TỔ NGHỀ

Tổ nghề là một hoặc nhiều người có công lớn đối với việc sáng lập và truyền bá một nghề nào đó. Do đó được các thế hệ sau tôn trọng và suy tôn là làm người sáng lập vì đã có công tạo ra nghề, gọi là Tổ nghề (hoặc thánh sư). Tổ nghề chỉ là những con người bình thường, nhưng lại được người đời sau tôn thờ vì đã có công sáng tạo ra nghề, truyền lại cho các thế hệ sau. Các vị tổ nghề tiêu biểu như: Phạm Thị Trân là tổ nghề hát chèo, Nguyễn Thị Sen là tổ nghề may áo dài, Nguyễn Minh Không tổ nghề đúc đồng, Mạc Thị Giai là bà tổ bếp Phương Nam...

THỜ THÀNH HOÀNG

Ở phạm vi gia đình, người Việt thờ tổ tiên và Thổ Công, ở phạm vi làng xã, người Việt thờ Thành hoàng. Giống như Thổ công, Thành hoàng cai quản và quyết định họa phúc của một làng. Không có làng nào ở Việt Nam mà không có Thành hoàng. Những người được thờ thường là những người có tên tuổi và địa vị, có công lao đối với làng đó. Tuy nhiên một số làng còn thờ những người lý lịch không rõ ràng gì như trẻ con, ăn xin, ăn mày, trộm cắp... nhưng họ chết vào “giờ thiêng” (Giờ xấu theo mê tín dị đoan).

THỜ TỨ BẤT TỬ

Người Việt còn thờ bốn vị thánh bất tử, đó là Tản Viên, Thánh Gióng, Chử Đồng Tử và Liễu Hạnh. Tản Viên biểu hiện cho ước vọng chiến thắng thiên tai, lụt lội; Thánh Gióng biểu hiện cho tinh thần chống giặc ngoại xâm; Chử Đồng Tử biểu hiện cho cuộc sống phồn vinh về vật chất; Liễu Hạnh biểu hiện cho cuộc sống phồn vinh về tinh thần của người dân Việt Nam.

THỜ THẦN

Thờ các thần mang nguồn gốc từ Trung Hoa như Thổ Địa, Thần Tài, Táo Quân, Hà Bá, Môn Quan, Phúc Lộc Thọ...
Thờ cúng là để được Thần giúp cho người yên vật thịnh, và dù đạt nguyện vọng hay không, con người vẫn tạ ơn Thần, một lối ứng xử rất văn hoá và trần tục. Ngoài mục đích cầu được yên lành, thịnh vượng, thoả mãn đời sống tâm linh, việc thờ cúng còn có mục tiêu giải thoát con người.

THỜ CÁC VỊ TIỀN HIỀN

Ngoài ra, tại Việt Nam có rất nhiều đền thờ các vị danh nhân như vua Đinh Tiên Hoàng, Tô Hiến Thành, Trần Hưng Đạo (Tín ngưỡng Đức Thánh Trần),....

THỜ MẪU TAM PHỦ, TỨ PHỦ

Tam phủ là danh từ để chỉ ba vị thánh: Mẹ Trời (hay Mẫu Thượng Thiên), Mẹ Nước (hay Mẫu Thoải), Mẹ Rừng (hay Mẫu Thượng Ngàn). Tứ phủ gồm ba vị Mẫu trên cộng thêm Mẹ Đất (hay Mẫu Địa) thường được coi đồng nhất với Mẫu Thượng Thiên. Các Mẫu cai quản những lĩnh vực quan trọng nhất của một xã hội nông nghiệp. Về sau do ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa nên có thêm Ngọc Hoàng, Thổ Công và Hà Bá. Thần Mặt Trời là vị thần quan trọng nhất, có mặt trên tất cả các trống đồng. Vào hồi 17h15 giờ địa phương (21h15 giờ Việt Nam) ngày 1 tháng 12 năm 2016, tại Phiên họp Ủy ban Liên Chính phủ về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể lần thứ 11 của UNESCO diễn ra tại thành phố Addis Ababa, Cộng hòa dân chủ Liên bang Ethiopia, di sản “Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” chính thức được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại

THỜ TỨ PHÁP

Tứ pháp là danh từ để chỉ các bà thần Mây-Mưa-Sấm-Chớp, đại diện cho các hiện tượng tự nhiên có vai trò quan trọng trong xã hội nông nghiệp. Sau này khi Phật giáo vào Việt Nam thì nhóm các nữ thần này được biến thành Tứ pháp với truyền thuyết về Phật Mẫu Man Nương. Ảnh hưởng của Tứ Pháp ở Việt Nam rất lớn, nhiều lần triều đình nhà Lý phải rước tượng Pháp Vân về Thăng Long để cầu mưa. Tứ pháp gồm:
Pháp Vân (thần mây) thờ ở chùa Bà Dâu
Pháp Vũ (thần mưa) thờ ở chùa Bà Đậu
Pháp Lôi (thần sấm) thờ ở chùa Bà Tướng
Pháp Điện (thần chớp) thờ ở chùa Bà Dàn
Theo khảo cứu sơ bộ của những nhà nghiên cứu văn hóa dân gian có 9 nơi thờ Tứ pháp, nhiều nhất là ở huyện Kim Bảng, sau đến thành phố Phủ Lý và thị xã Duy Tiên. Nơi thờ Tứ pháp còn đậm nét nhất ở Hà Nam là chùa Bà Đanh (thôn Đanh Xá, xã Ngọc Sơn, Kim Bảng). Đạo Tứ pháp đã đáp ứng nhu cầu này và không ít lần linh ứng đã trở thành một phần văn hóa dân gian.

CHƯƠNG II NGHIÊN CỨU ĐÌNH PHỦ NHỰC

PHÚ NHUẬN ĐÌNH

Trăm năm



Thị trấn

nh

một sắc



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Đình Phú Nhuận được xây dựng từ những thập niên đầu thế kỷ 19, cùng khoảng thời gian làng Phú Nhuận xuất hiện chính thức dưới thời Gia Định trấn và Gia Định thành (1802-1832). Ban đầu, đình được xây dựng ở vùng đất ẩm thấp (gần chùa Phú Thạnh, Phường 12, Phú Nhuận hiện nay) sau dời về ở một ngọn đồi cao ráo gọi là gò Kim Quy (rùa vàng) tức là địa điểm đình Phú Nhuận hiện nay, số 18 đường Mai Văn Ngọc, Phường 10.

Năm Nhâm Tuất 1852 (Tự Đức ngũ niên), đình được trùng tu xây dựng bằng tường gạch, mái ngói. Cùng năm này, đình phú nhuận được vua sắc phong. Tương truyền, dân làng phú nhuận đã chung tiền cử 4 vị hương chức tuyển chọn trong số những bậc kỳ lão thâm nho trong làng đi bộ ra kinh đô Huế thỉnh sắc. Sắc hiệu “cải cơ chương lý thành hoàng đại vương chi thần” được vua Tự đức - phong cho một vị võ tướng, chỉ huy tượng binh gốc dân tộc ít người, có tên là Ma La Cẩn.

Trong suốt thời gian tồn tại, ngoài giá trị tinh thần về tín ngưỡng dân gian, đình Phú Nhuận là một trung tâm sinh hoạt về hành chính, giáo dục, lục pháp, văn hóa nổi tiếng trong số các đình làng ở Sài Gòn - Gia Định





KHIÊN TRỰC

CẢNH QUAN

Sân đình trồng khá nhiều cây xanh tầm trung, có thêm một số cây cau. Ở sân đình phía trước nhà Túc có cây bồ đề lớn có tán lá rộng giúp không khí mát mẻ và thoải mái hơn.

HƯỚNG ĐÌNH

Đình Phú Nhuận có 3 cổng: cổng số 1 giáp đường Nguyễn Văn Trỗi, cổng số 2 giáp đường Nguyễn Thị Huỳnh, cổng số 3 giáp đường Mai Văn Ngọc. Đình quay về hướng Đông – hướng về rạch Thị Nghè.

BỐ CỤC

Mặt bằng hình chữ L ngược, có hai trục, trục chính nằm bên trái, trước trục phụ là phần sân đình. Trên trục chính gồm có võ ca, võ quy và chính điện. Trên trục phụ gồm có nhà Túc, phòng riêng, sân Thiên Tình, nhà bếp, nhà kho và nhà vệ sinh.

Ngoài ra còn có cổng đình và miếu Vạn Ban Ngũ Hành hiện đang nằm tách biệt ra ngoài khuôn viên khu thờ chính.

CỔNG ĐÌNH

Cổng đình được xây dựng theo kiến trúc cổng đình tam quan, mái lợp bằng ngói lưu ly âm dương và ngói đất nung.

BÌNH PHONG

Bình phong ông Hồ nằm phí trước đình bên trái. Mặt bình phong được đắp nổi cạp vàng (hoàng hổ) đứng bên gộp đá lờm chờm, có một cây cổ thụ giờ cành lá.

Hình chúa sơn lâm bước hùng dũng, oai hùng từ trên núi xuống, là biểu tượng chỉ “âm dương hòa hợp”. Đây là tín ngưỡng thờ xã tắc của các vị tiền nhân (xã là đất đai, tắc là mùa màng), nhằm mong muốn mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, cuộc sống ấm no, thanh bình.

CỘT

Cột phân chia không gian chủ yếu là cột vuông bê tông cốt thép. Bên trong các gian nhà chính sử dụng bộ cột và vì kèo của đình được làm bằng gỗ, có cấu trúc theo kiểu kẻ chuyễn.

MIẾU THỜ

Miếu thờ nhỏ nằm phía trước đình, bên phải có miếu Nhị vị công tử (thờ hai người con trai của nữ thần Po Nagar của người Chăm), bên trái có miếu Ngũ Hành. Mái được lợp bằng ngói đất nung, trên nóc mái được gắn thêm tượng con gà được tráng men. Người ta tin rằng con gà có thể kết nối với lực lượng siêu nhiên và cả người chết.

VỖ CA

Được xây dựng năm 1930. Đây là nhà dùng để hát bội, bên trong có sân khấu và khán đài. Hát bội, hát chầu được phát sinh chính từ khát vọng cầu đảo sự bình yên. Vào ngày lễ kỳ yên hàng năm, ở vở ca thường diễn vở “Tứ Thiên Vương” (bốn vị vua trấn bốn phía trời: Đông, Tây, Nam, Bắc để trông coi việc vận hành gió mưa). Qua tường tích này, người dân nhằm cầu mong mưa thuận gió hòa, đó chính là dấu vết tín ngưỡng cổ xưa của cư dân nông nghiệp.

VỖ QUY

Ở võ quy, kèo được đeo lục lăng, đuôi được đeo hình rồng. Những cây cột trên chánh điện đều treo các câu đối ca tụng công đức các thần, có thể ví dụ 2 câu đối ở phía cột ngoài cùng là diễn giải ý nghĩa của từ Phú Nhuận:

Phú cường ngưỡng lai địa linh, thế thế hân khang nhân kiệt xuất
Nhuận trạch mâm không thiên bảo, niên niên khoái đồ vật hoa sinh

CHÍNH ĐIỆN

Chính điện xây theo kiểu nhà tứ tượng, hình vuông (một gian hai chái) với cột gỗ, kèo gỗ, trạm hình đuôi rồng, được xây dựng năm 1920.

Ở chánh điện và trung điện (võ quy) gắn liền với nhau, không gian chỉ được ngăn cách bằng hai hàng cột gỗ. Các bàn thờ được xếp thành ba dãy, dãy giữa gồm các bàn thờ Thần, hai bên là bàn thờ Tả Ban và Hữu Ban.

Đây là nơi quan trọng nhất trong đình, nơi thần ngự trị.

Bàn thờ chính ở phía trong cùng thờ sắc thần do vua Tự đức ban cho vị thần thành hoàng đình Phú Nhuận là Maha Cẩn. Lai lịch của nhân vật này còn là nghi vấn, có người cho đó là người Chăm, hoặc người Stiêng, có người cho là một viên quan tướng binh có công trận giúp các chúa Nguyễn, cũng có người bảo đó là một võ quan Khơme có công giúp nhà Nguyễn (vì từ Maha là một danh xưng kính trọng dành cho nhân vật tài giỏi lỗi lạc).

Bàn thờ phía trái tính từ trong ra ngoài là bàn thờ tả ban, thờ "Đông Nam sát hải lang lại nhị đại tướng quân tôn thần" là tước hiệu của vua Gia Long ban cho hai con rái cá theo truyền thuyết đã có công với nhà vua. Bàn thờ kế thờ "Tiên hiền khai khẩn, hậu hiền khai cơ" tức người có công khai khẩn, tiếp nối sự nghiệp của ông cha để phát triển, xây dựng làng xã. Tiếp theo là bàn thờ "đông trù tư mạng" (tức ông Táo).

Bên phải chính điện thờ tả ban, gồm trước tiên là bàn thờ "Cung thỉnh chúa xứ nương nương chi vị" (tức Bà Chúa Xứ - nữ thần cai quản, trông coi đất đai theo tín ngưỡng của người Khơme). Đây là một biểu tượng chung của tín ngưỡng thờ thánh mẫu (déesse mère) của nhiều dân tộc. Bàn kế tiếp thờ "bach mã thái giám tôn thần" tức con ngựa trắng, phương tiện di chuyển của thần thành hoàng lúc đi tuần du làng xã. Bàn thờ hữu ban phía ngoài thờ bài vị lớn "Ngũ phương ngũ thế phúc đức thánh thần" (tức ông Bồn) là vị thần trông coi, bảo vệ đất đai, ruộng vườn.

KHÔNG GIAN PHỤ

Bên phải khuôn viên đình Phú Nhuận là khu vực nhà Túc (còn gọi là nhà chờ đợi, hoặc nhà làng - để bàn việc làng). Nhà Túc đặt 3 bàn thờ. Bàn giữa thờ "Tiên Sư", bàn bên phải thờ "Tiên viên chúc, hậu viên chúc" (do đó mới có tục lệ tế tiên hiền và tế chiến sĩ trận vong ở đây).

Trước kia, miếu Ngũ Hành nằm trong phạm vi đình, nhưng nay, do mật độ dân cư chung quanh đình phát triển khiến khuôn viên đình hẹp dần, đẩy lùi miếu ra khỏi vòng rào của đình.



TÍN NGƯỞNG THỜ CỬNG

Tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng là một tín ngưỡng khá phổ biến ở làng xã của người Việt. “Người Việt phổ biến nhất, nổi bật nhất là thờ thần ở làng, không làng nào là không có đình, đền, miếu thờ thần”. Bởi thế, “thần Thành hoàng là biểu tượng thiêng liêng nhất của cả làng, ở mỗi làng, khắp các làng xưa kia”, tín ngưỡng thờ Thành hoàng là sự kết hợp đỉnh cao của tín ngưỡng sùng bái con người và tín ngưỡng sùng bái thần linh. Có thể nói tín ngưỡng thờ thần ở Việt Nam nói chung và Đình Phú Nhuận nói riêng thì việc thờ cúng gần giống nhau nhưng vẫn có nét đặc trưng riêng mang nét đặc trưng của đình Phú Nhuận.



LINH THẦN THỔ VỠ

Thành Hoàng cai quản đình làng và cả một khu vực làng xã, hoặc thành lũy có đường biên, tức là quyền lực lớn hơn thần Đất, quyết định họa phúc của một làng và thường được thờ ở đình làng. Do vậy hầu hết ở mỗi làng quê hay phố nghề (nơi thị thành) đều lập đình (hoặc đền, miếu) thờ vị Thành Hoàng của làng hay phường hội. Thành Hoàng là người có công với dân, với nước, lập làng, dựng ấp hay sáng lập nên một nghề (ông tổ của nghề). Đối với Đình phú Nhuận thì Thành Hoàng là Linh Thần Thổ Vỡ hay còn biết đến là một chỉ huy tượng binh có tên là Sắc Ma La Căn gốc người dân tộc thiểu số được vua Tự Đức phong sắc.



ĐÔNG NAM SÁT HẢI LANG LAI NHỊ ĐẠI TƯỚNG QUÂN

Tín ngưỡng thờ rái cá tại một số đình làng Nam bộ lại có nguồn gốc từ truyền thuyết, huyền thoại gắn với cuộc bôn đào của Nguyễn Ánh. Do có công lao cứu chúa, giống rái cá được phong thần và một số đình ở Nam bộ có cả sắc phong của triều Nguyễn cho thần rái cá. Lang Thát là một vị thủy thần nên có một số nơi còn kết hợp vị thần này với Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương thành vị thần có danh hiệu Đại Càn quốc gia Nam Hải Lang Thát nhị đại tướng quân. Việc thờ Đông Nam Sát Hải Lan Lai Đại Tôn Thần là một dấu ấn về tín ngưỡng của cư dân Nam bộ về một vị thủy thần phù hộ ngư dân trên sông nước.



CHÚA XỨ NƯỜNG NƯỜNG

Chúa Xứ Nường Nường hay còn gọi với cái tên Chúa Xứ Thánh Mẫu, Thánh Mẫu Chúa xứ Nường nường, Chúa xứ Thánh nường nường, Nường nường, Nguyên Nhung Thánh Mẫu... Là một nữ thần phồn thịnh được thờ ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Bà tượng trưng cho nghề nghiệp, sức khỏe, và là người bảo vệ biên cương nước Việt. Quyền năng của các Bà nói lên khát vọng, mong ước có được một cuộc sống thanh bình, hạnh phúc của những di dân đến vùng đất mới sinh sống, lập nghiệp



HỘI ĐỒNG NỘI

Tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng là một tín ngưỡng khá phổ biến ở làng xã của người Việt. “Người Việt phổ biến nhất, nổi bật nhất là thờ thần ở làng, không làng nào là không có đình, đền, miếu thờ thần”. Bởi thế, “thần Thành hoàng là biểu tượng thiêng liêng nhất của cả lPhú Nhuận nói riêng thì việc thờ cúng gần giống nhau nhưng vẫn có nét đặc trưng riêng mang nét đặc trưng của đình Phú Nhuận.



HỘI ĐỒNG NGOẠI

Tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng là một tín ngưỡng khá phổ biến ở làng xã của người Việt. “Người Việt phổ biến nhất, nổi bật nhất là thờ thần ở làng, không làng nào là không có đình, đền, miếu thờ thần”. Bởi thế, “thần Thành hoàng là biểu tượng thiêng liêng nhất củPhú Nhuận nói riêng thì việc thờ cúng gần giống nhau nhưng vẫn có nét đặc trưng riêng mang nét đặc trưng của đình Phú Nhuận.



ĐÔNG TRÙ TỬ MẠNG

Đông Trù Tư Mệnh Cửu Linh Nguyên Vương Định Phước Thân Quân hay còn gọi với cái tên là Táo Thần, tục xưng Táo Quân, hoặc xưng Táo Quân Công, Tư Mệnh Chân Quân, Cửu Thiên Đông Trù Yên Chủ, Hộ Trạch Thiên Tôn hoặc Táo Vương, miền Bắc gọi Ngài là Táo Vương Gia. Đông trù là chỉ chung cho tất cả các nhà bếp. Ngoài bốn phận cung cấp thức ăn để nuôi sống con người, Ngài còn có chức trách theo dõi sinh hoạt tốt xấu của người trong nhà nữa. Thế nên, Ngài có hai vị phụ tá, một vị là “Thiện Quán” (xem xét việc tốt), một vị là “Ác Quán” (xem xét việc xấu) của con người để ghi chép lại. cuối năm tổng kết cho Táo Quân về trình tấu với Ngọc Hoàng Đại Đế .



PHƯỚC ĐỨC CHÍNH THẦN

Thổ Địa là vị thần thủ hộ về đất đai nhà ở. Danh xưng chính thức của Ngài là “Phước Đức Chính Thần”. Trong dân gian còn xưng là “Hậu Thổ”, “Xã Thần”, “Xã Công”, “Bá Công”, “Thổ Địa” hoặc “Phúc Thần”. Ở các nơi thờ phụng ngoài trời hay Miếu Vũ thì tôn xưng là “Phước Đức Chính Thần”. Thổ Địa Công được các thương gia tôn làm thần thủ hộ. Ngài ngoài chức trách giúp cho nông dân trúng mùa, còn thêm chức năng trấn yểm quỉ thần, giải trừ xua đuổi ác ma. Vì thế, dân gian hay đến miếu để thỉnh Ngài về nhà trừ tà ma yêu quái.



THẦN TÀI THỔ ĐỊA

Ông Thần Tài là một vị thần tượng trưng cho những công việc trông coi tiền tài cho gia đình, cũng như mang nhiều điều may mắn cho gia chủ. Cũng tương tự như ông Thần Tài, ông Thổ Địa còn được gọi với tên gọi khác là ông Địa hay ông Thổ Công. Nhiệm vụ của ông là cai quản đất đai trong gia đình. Dựa vào quan niệm trong thờ cúng Thần Tài là vị thần đảm nhiệm vai trò trông coi tiền bạc, của cải. Đồng thời, ông còn mang những đặc trưng cho công việc kinh doanh, buôn bán. Đối với ông Địa sẽ đảm nhận vai trò là vị thần hộ mệnh cai quản đất đai, nhà cửa. Công việc thờ cúng các vị thần này sẽ mang đến cho các bạn sự bình yên cho gia đình.



TIÊN SƯ TIÊN HIỀN HẬU HIỀN

Trong ngôi đình, việc bài trí thờ tiên hiền, hậu hiền mỗi nơi mỗi khác. Theo lệ cổ, bàn thờ tiên hiền và hậu hiền thường được đặt phía sau chánh điện thờ thần thành hoàng. Phía sau trung tâm chánh điện thường có một bức tường ngăn. Giữa đặt bàn thờ tiên sư, hai bên là bàn thờ tiên hiền, hậu hiền. Thế nhưng, tùy thuộc vào từng đình làng của địa phương mà việc bố trí có những khác biệt. Đối tượng thờ tiên hiền, hậu hiền, những người có công lập làng, lập đình trên nhiều phương diện lúc còn sống. Sau khi họ mất đi, để ghi nhớ công ơn, uy tín, đạo đức, người dân địa phương thờ trong đình. Dưới các bậc tiên hiền, hậu hiền là những người tiên bối, hậu bối có công. Có những đình có những bài vị cụ thể nêu danh tánh cụ thể về người được thờ.



ÔNG HỔ

Trong văn hóa của người Việt, hổ xếp hàng thứ ba trong mười hai chi, năm Dần mang cảm tinh cộc, là một hình tượng đa nghĩa vừa phức tạp trong tâm linh người Việt, vừa là ác thú, vừa là thần hộ mệnh. Có hình hổ trấn giữ ở ngưỡng cửa là tà ma không dám xâm nhập. Hổ là ác thú được người kinh sợ đến độ lập đền thờ, hy sinh nhân mạng để tế lễ mỗi cuối năm, như tục thờ Thần Hổ, làng Ngọc Cục, huyện Đường An, tỉnh Hải Dương mà Phạm Đình Hổ (1768-1839) đã kể lại kỹ càng trong Vũ Trung tùy bút, đến năm 1800, tục mới chấm dứt. Rất nhiều gia đình có tục thờ ông ba mươi như một cách để cầu công danh, mang lại sự may mắn.



THÂN NÔNG

Thân Nông thường được biết với tên gọi Viêm Đế. Thân Nông là một vị thần huyền thoại của các dân tộc, Là một trong Tam Hoàng và được xem là một vị Anh hùng văn hóa, vừa tài năng, lại thông thạo nhiều kiến thức về nông nghiệp và y dược. Ông đã tự mình nếm thử để nhận dạng hàng trăm loại dược thảo và độc thảo khác nhau, thông qua đó để hiểu được tính chất của chúng, giúp dân biết thứ gì nên tránh và thứ gì có thể dùng được. Đây cũng là một trong những yếu tố quan trọng đối với sự phát triển của y học cổ truyền thời bấy giờ. Thể hiện tín ngưỡng và mong mỏi của người nông dân gắn liền với thành quả lao động nông nghiệp trong từng mùa vụ.



NHỊ VỊ CÔNG TỬ

Nhị vị công tử hay còn biết là Cậu Tài (truyền thuyết là Tri) Cậu Quý (nói trại là cậu Chài, cậu Quý).Đều là con của Thánh Mẫu Chúa Ngọc Nương Nương; tức Nữ thần Thiên Y A Na Poh Yang Inư Nagar (theo tín ngưỡng Chăm). Vào thời nhà Nguyễn có ghi nhận một truyền thuyết cho rằng “Cậu Tài, Cậu Quý” là 2 anh em ruột.Tín ngưỡng thờ Cậu Tài Cậu Quý theo sách Diên cảm Tam thế của soạn giả Dương Công Hầu thì Cậu Tài Cậu Quý được xem như ông độ mạng của người nam giới. Ngoài ý nghĩa là ông độ mạng thông thường Cậu Tài, Cậu Quý được thờ phổ biến ở cư dân miền biển có thể nói Nhị Vị công tử là hai vị thần bảo hộ cho người dân làng chài, cư dân làm nghề thương hồ.Cậu Tài Cậu Quý được xem là 2 vị phúc thần bảo hộ cho vùng sông nước.Hiện nay, hai cậu được rất nhiều người tín ngưỡng và thờ cúng trong gia đình rất trang nghiêm.





NGŨ HÀNH NƯƠNG NƯƠNG

Bà Ngũ Hành hay còn gọi Ngũ Hành Nương Nương là năm vị thần biểu trưng cho Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Đây không phải là vật chất theo nghĩa đen của tên gọi, mà là quy ước của người xưa để xem xét mối tương quan của vạn vật. Tục thờ bà Ngũ Hành ở Nam Bộ cho thấy quá trình người Việt tiếp nhận thuyết Ngũ Hành của phương Bắc thành những giá trị tín ngưỡng riêng. Tục thờ Bà Ngũ Hành ở Nam Bộ là một dạng tín ngưỡng dân gian trên cơ sở tiếp thu triết lý Ngũ Hành. Dân gian thờ phụng nhằm cầu mong cho các Bà phù hộ độ trì cho gia đạo được bình an, làm ăn thuận lợi, cuộc sống hạnh phúc. Với đặc điểm là một nước nông nghiệp trồng lúa nước. Vụ mùa bội thu cuộc sống ấm no hay không phụ thuộc rất nhiều vào nắng, gió, mưa sa của trời đất nên tín ngưỡng thờ Chúa Bà Ngũ Hành càng phát triển và trở nên phổ biến tại Việt Nam đặc biệt tại các tỉnh Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Các vị Chúa Bà Ngũ Hành được thờ tự bao gồm:

- * Đệ Nhất Chúa Bà Kim Tinh Thần Nữ
- * Đệ Nhị Chúa Bà Mộc Tinh Thần Nữ
- * Đệ Tam Chúa Bà Thủy Tinh Thần Nữ
- * Đệ Tứ Chúa Bà Hỏa Phong Thần Nữ
- * Đệ Ngũ Chúa Bà Thổ Đức Thần Nữ



LỄ HỘI

“Ăn chơi cho hết tháng hai
Cho làng đóng đám, cho trai dọn đình” (Ca dao)

Giữa tháng Giêng đầu tháng hai là dịp mà các lễ hội tại các đình làng cũng như là thời gian để khách thập phương có thể chiêm bái nơi chốn tâm linh. Đình Phú Nhuận được xem là một trong những ngôi đình nổi tiếng và do đó lễ Kỳ Yên nơi đây cũng cực kỳ lớn, thu hút bá tánh đến tham dự mấy ngày mấy đêm liền, đặc biệt đêm nào cũng có hát bội để coi. Và còn nhiều lễ khác quanh năm như:

- * Tết nguyên đán mừng 1,2,3 tháng giêng (âm lịch)
- * Đại lễ kỳ yên linh thần rằm 16,17,18 tháng giêng hàng năm (âm lịch)
- * Lễ cúng phước đức chánh thần mừng 2 tháng 2 (âm lịch)
- * Lễ cúng tết đoan ngọ mừng 5 tháng 5 (âm lịch)
- * Lễ giỗ tiên hiền Lê tự Tài mừng 5 tháng 5 (âm lịch)
- * Lễ cúng rằm tháng 7 cúng 16 tháng 7 (âm lịch)
- * Lễ cúng tiên sư cúng 16 tháng 10 (âm lịch)
- * Lễ cúng đưa linh quan tảo quân 23 tháng chạp (âm lịch)
- * Lễ cúng đưa ông cúng 25 tháng chạp (âm lịch)
- * Lễ cúng rước ông cúng 30 tháng chạp (âm lịch)
- * Lễ cúng giao thừa 12 giờ khuya 30 tháng chạp (âm lịch)



ĐẠI LỄ KỶ YÊN

“Kỷ yên” từ sớm đã trở thành một nghi lễ quan trọng trong không gian đình Nam bộ. Bản chất của lễ Kỷ yên cũng giống như tên gọi của nó (“kỷ yên” là cách đọc khác của từ “cầu an”) là nhằm bày tỏ sự thành tâm kính ngưỡng đến các thần linh sở tại, chủ yếu là thần Thành hoàng, cầu mong cho bách tính sống yên ổn, thái bình, mùa màng tốt tươi, cuộc sống sung túc mỹ mãn. Căn bản, lễ Kỷ yên là một tập hợp nhiều hình thức cúng tế xen lẫn diễn xướng và biểu diễn truyền thống như hát bội, cải lương. Tại Đình Phú Nhuận trong tất cả các lễ cúng được tổ chức ở đình thì lễ Kỷ yên là lễ cúng quan trọng và lớn nhất trong năm, được tổ chức vào ngày 16, 17, 18 tháng Giêng. Lễ vật chính cúng Thần là con heo đen. Ngày 16 tháng Giêng là ngày lễ chính. Đây cũng là ngày lễ hội quy tụ đông đảo người tới tham dự với những lễ vật và nghi thức cúng bài bản, đầy đủ nhất. Vào ngày lễ này, nhân dân đến đình dâng hương, lễ vật tưởng nhớ đến thần Thành hoàng, các vị tiên nhân có công lập làng, lập đình, các anh hùng liệt sỹ bảo vệ đất nước là chủ yếu. Về nghi thức lễ tế từ thần Thành hoàng bốn cảnh đến Tiên hiền, Hậu hiền, hoặc tế những người có công với nước về cơ bản là giống nhau, như: đón rước các vị thần được tế; các ban tham gia tế lễ phải có thân tâm thành kính trong sạch để dâng hương, dâng ba tuần rượu và một tuần trà; đọc văn tế. Chủ lễ bao gồm Chánh tế, Bồi tế, Đông hiến, Tây hiến là những bậc cao niên, có uy tín và đạo đức để thay mặt cho nhân dân đứng ra hành lễ.

HHAILE

欽蒙天寶年年快觀

荷德至意千手協阜





肅靜

中興盛治

LỄ THỈNH TỔ HÁT BỘI

Khi găng hát bội đến trước cổng đình, trước hết là ban trống tự châu, gồm một hồi trống lợi hai roi do các hội viên đình đảm trách. Về phía găng hát bội thì “án binh bất động”, lên nhang đèn ở ngai tổ (được mang theo cùng với các trang bị của nghệ sĩ) chờ hội đình làm lễ rước. Các ông bầu, ông nhưng (thầy tuồng), ông biện tuồng trang phục áo dài khăn đóng chỉnh tề. Còn về phía đình, sau khi ban trống tự châu, ba ông đại diện hội hương đình trang phục áo dài khăn đóng, bung một cái khay có đặt trầu, rượu, nhang, đèn và tiền lễ cùng với bốn quân hầu trang phục theo xưa cầm bốn món lỗ bộ (nhóm đồ binh khí cầm ở giá nơi cửa đình) và ban nhạc ra tận cổng đình để rước ngai Tổ hát bội vào đình. Các điệu nhạc vui rộn rã được cử lên, đặc biệt có nghệ nhân đánh một bài trống rất hùng hồn. Ba ông đại diện Hội hương đình ra tới cổng, trao khay lễ vật cho ba ông đại diện găng hát. Các ông này nhận lấy và tất cả cùng đưa ngai thờ Tổ hát bội vào đình, tọa vị sau sân khấu của võ ca. Khi ngai thờ tổ an vị rồi thì găng hát bội mới bắt đầu mang đồ nghề, trang bị vào khu vực sân khấu, sẵn sàng cho đêm hát châu đầu tiên. Hát châu (hát bội), trước để cúng thần, sau để giúp vui cho dân làng





LỄ THỈNH SẮC

“Sắc thần là một tờ giấy súc khá tốt, dai, khổ giấy từ 1m20 đến 1m50 với chiều dài, từ 0,50m đến 0,60m với chiều rộng, dày, màu vàng. Mặt giấy có in nền chìm bằng đục ngân hình rồng ẩn trong mây, chung quanh có khung hồi văn chữ vạn, nền gọi long đằng chi (giấy hình rồng dùng để sao chép), hoặc chữ đỉnh hay hoa lá dây chéo nhau. Mỗi sắc thần thường có từ 5 đến 11 hàng dọc, chép từ phải qua trái. Dòng cuối cùng đề niên hiệu, tháng, ngày cấp sắc. Ấn vàng của nhà vua dùng son phụng màu đỏ đóng lên hàng chữ đề niên hiệu, ngay giữa dòng chữ này, kể từ chữ (niên) trở xuống, ấn hình vuông, có bốn chữ viết theo lối triện là Sắc Mệnh Chi Bửu. Sau khi an vị Tổ hát bội xong, theo lệ thường, diễn ra từ sáng sớm. Đây là lễ rước sắc phong Thành hoàng từ nơi cất giữ đến nơi an vị ở đình (nơi diễn ra lễ Kỳ Yên). Lễ diễn ra từ sáng sớm, Nghi lễ thỉnh sắc thường bắt đầu bằng một hồi trống để báo cho dân làng biết để đến cùng đi thỉnh sắc và cũng là một cách báo cho dân làng biết để bày hương án hai bên đường cúng tạ ơn thần sau đó là một đám rước với đầy đủ chiêng, trống, cờ, long, long đình cùng đội nhạc lễ, đội lân đi đến chỗ cất giữ sắc thần (thường thì để ở trong một ngôi nhà kiên cố của một vị chức sắc có uy tín). Đến nơi, người có trách nhiệm vào khăn, rồi đem sắc đặt vào long đình, rước về. Trên đường, nhạc lễ hòa nhịp suốt đường đi. Đến đình, phải cử hành thêm nghi thức an vị rồi mới đưa tráp đựng sắc phong để trên bàn thờ thần nơi chính điện.

LỄ NGHINH

Sau lễ thỉnh sắc thần Thành hoàng còn tổ chức Lễ Nghinh, tức đưa kiệu đến các đền miếu trong làng, dâng hương, khấn cúng thỉnh mời chư vị thần về đình dự lễ. Rước thần là loại rước có bước điệu hành rất chậm, khoan thai, thư thả, điệu dàng và tôn nghiêm, kính cẩn khác với lối điệu binh, bước quân hành hùng dũng, mạnh mẽ, nhanh gấp, dứt khoát. Thần ngự khác với quân đi, mặc dầu trong rước thần cũng có quân lính (tượng trưng) theo hầu. Cho nên trống cà rùng tuy cũng là trống điệu hành, cũng thúc giục rộn ràng, cuốn hút nhưng thư thái, hình như khuyến khích người tham gia đám rước chỉ cần nhích lên từng bước, ung dung tuần tự mà đi, chớ vội vàng. . Xong, đem lư hương của các vị thần này lên kiệu trở về, đặt trên bàn hương án bày ở ngoài đình, hoặc trên bàn Hội đồng ngoại ở bên trong đình



LỄ THỈNH SANH

Lễ Thỉnh sanh phải diễn ra trước lễ Túc Yết, với mục đích lấy con vật tế của lễ Thỉnh sanh làm lễ vật cho lễ Túc Yết sau đó. Vật tế là một con heo còn sống, toàn sắc, bị cột bốn chân, đặt trên một chiếc ghế ngựa ngay trước bàn thờ Hội đồng ngoại. Sau khi heo bị thọc tiết, viên chánh tế dùng chén sạch hứng máu cùng một nhúm lông của con vật này, đặt lên bàn hương án. Chén huyết có ít lông này gọi chung là "mao huyết". Theo Sơn Nam, lễ này bắt nguồn từ lễ giết người để tế thần; sau dùng trâu, bò hoặc heo để thay thế. Thỉnh sanh (thỉnh là tịnh, gạn cho trong sạch; sanh (sinh) mang ý nghĩa hy sinh. Con vật bị giết để tế gọi là hy sinh); nói nôm na, lễ thỉnh sanh là lễ đâm con heo để tế thần. Ngày nay, để tránh cảnh tượng giết chóc trong đình, nhiều nơi chỉ cúng con heo còn sống rồi mang xuống nhà bếp hoặc cúng con heo đã được mổ xong. Sau khi lễ Thỉnh sanh kết thúc, con heo được luộc chín và mang trở lại đình để làm lễ Túc yết.



LỄ TÚC YẾT

Tức là lễ hương chúc ra ra mắt thần. Theo cổ lệ mà sách Gia Định thành thông chí đã biên chép, thì lễ này được tiến hành vào buổi chiều cho đến hết đêm ngày thứ nhất. Theo sách Sổ tay hành hương đất phương Nam thì, sắp đến giờ hành lễ, các thành viên của Ban tế tự mặc áo thụng xanh, khăn đóng, mang giày đứng sắp hàng hai bên võ ca cùng với ban nhạc lễ, các lễ sinh và đào thai (đào chuyên hát chúc tụng) trong tư thế sẵn sàng. Rồi một lễ sinh bắt đầu xuống các nghi thức và các hương chúc được phân công tuần tự thực hiện những nghi thức như sau:

- * Cũ sát tế phẩm: kiểm lại đồ cúng.
- * Tuần hương: dâng hương.
- * Tuần rượu thứ nhất: dâng rượu lần nhất.
- * Đọc văn tế chữ Hán: cầu nguyện thần Thành hoàng phù trợ sao cho mưa thuận gió hoà, quốc thái dân an,...
- * Tuần rượu thứ hai: dâng rượu lần hai.
- * Tuần rượu thứ ba: dâng rượu lần ba.
- * Hiến quả phẩm: dâng trái cây.
- * Hiến bình: dâng bánh.
- * Tuần trà: dâng trà
- * Ấm phước: giống như lễ "thụ tội" miền Bắc, tức Ban tế tự được thừa hưởng lễ vật đã dâng cúng, xem như đây như là lộc của thần ban.

Hóa văn tế: có nghĩa đốt văn tế. Có đình giữ đến xong lễ đoàn cả mới đốt.

Bắt đầu vào lễ, ông Chánh tế đến dâng hương trước bàn thờ, rồi lần lượt các thành viên trong Ban quản trị thay nhau vào lễ. Kế đến là phần "Khởi chinh cổ", sau khi đánh ba hồi trống và ba hồi chiêng mõ. Ban nhạc lễ với các nhạc cụ dân tộc bắt đầu trỗi lên, lễ dâng hương, chuốc tầu, tiem trà bắt đầu... Sau cùng, bản văn tế (văn chúc) được mang đến trước bàn thờ. Người được cử quỳ xuống "đọc văn", trong khi ban nhạc lễ trỗi nhạc phụ họa. Dứt bài văn tế, ông Chánh tế đốt bản văn này và một ít giấy tiền vàng bạc, phần nghi thức lễ tức yết coi như đã xong.





HAH LE



LỄ XÂY CHÂU – ĐẠI BỘI

Lễ Xây châu là một lễ trong lễ Kỳ yên ở đình làng Nam Bộ, Việt Nam. Theo Sơn Nam, nét đặc trưng của đình miếu Nam Bộ xưa là mỗi lần có lễ Kỳ yên, thì phải có các lễ: Xây châu, Đại bội và hát bội. Căn cứ vào lời chúc tụng, lễ Xây châu có từ đời vua Gia Long. Thường thì lễ này được cử hành sau lễ tế Túc yết. Về cách thức xây châu, đại để chia làm ba loại: Xây châu văn, Xây châu võ, và Xây châu bán văn bán võ. Lễ này bắt nguồn từ quan niệm dịch lý của đạo Nho: thuận đạo trời (âm dương), an đạo đất (nhu cương) và hòa đạo người (nhân nghĩa); ba đạo này có hòa hợp thì vạn vật mới hanh thông, tốt đẹp.

Xây châu có nghĩa là dùng tiếng trống châu đánh rõ từng tiếng để đổi mới Đất Trời. Trống phải được sơn màu đỏ, mặt trống vẽ hình tròn Âm Dương. Người đánh trống được gọi là Cổ quan (cổ là trống, quan là quan chức) hay Chấp sự viên, là người có đạo đức, có sức khỏe, có gia đình hạnh phúc, để có thể thay mặt cho dân làng và thực hiện được xuyên suốt các thao tác đánh trống. Đây là những phần lễ với những nghi thức khá phức tạp nhưng cũng khá bài bản.



KHAI TRỐNG CHẦU

Trống châu được đặt ở hướng Đông (Đại lợi), và thường thì Chánh tế đánh ba lần trống khởi đầu:

* Đánh lần thứ nhất gọi là nhất kích cổ: đánh nhẹ ở điểm (những điểm quy định trên mặt trống mang ý nghĩa tâm linh) số 1 ba tiếng trống đọc lời nguyện: Sơn hà xã tắc thiên hạ thái bình. Hoặc Quốc thái dân an.

* Đánh lần thứ hai gọi là nhị kích cổ: đánh nhẹ ở điểm số 2, đọc lời nguyện:

Phong hòa vô thuận

Bá tánh lạc nghiệp

* Đánh lần thứ ba gọi là gọi là tam kích cổ, đánh nhẹ ở điểm số 3 và đọc lời nguyện: Lê thứ thái bình.

Ba lần trống kế tiếp gọi là điểm cổ, đánh nhẹ cái hình Thái cực vẽ trên mặt trống.

* Nhất điểm cổ: đánh nhẹ ba tiếng, xướng Trừ Càn Khảm (trừ sự bại, sự hư).

* Nhị điểm cổ: đánh nhẹ ba tiếng, xướng: Lập Trung Cấn Chấn (cố lập sự khóc lóc, sự chết, quỷ ma).

* Tam điểm cổ: đánh nhẹ ba tiếng, xướng Tốn Ly Khôn Đoài (cầu lộc, phúc đức).

Sau đó là ba hồi trống đánh mạnh, trước ít sau nhiều, mang ý nghĩa tiền bản hậu phú. Theo cổ lệ, phần này phải đánh cả thảy ba hồi là 120 (20-40-60) roi châu

* Hồi thứ nhất đánh 20 roi, khi dứt, đánh thêm hai dùi nhỏ tiếng hơn, như là dư âm. Hồi này, khi thực hiện, người đánh phải xướng thật to: Trừ hung thần ác sát, ngũ ý đuổi ma quái ra khỏi làng.

* Hồi thứ nhì đánh 40 roi, dứt rồi điểm hai dùi nhỏ tiếng, không xướng khẩu lệnh.

* Hồi thứ ba đánh 60 roi, dứt thì điểm hai tiếng nhỏ, rồi người chấp sự hô to: Khôn trung hội viên nam nữ đồng thọ phước (Ở mặt đất, nam nữ hội viên của đình đều được hưởng phước).

Các thành viên của Ban tế lễ và thân hào đông "dạ" lớn. Vừa dứt, đánh ba hồi ba dùi, mỗi hồi...

Sau đó nhạc trỗi lên, quan viên cầm châu và các đào kép bắt đầu sang phần Đại Bội.

Căn cứ lời kể của hai sách trên, cho thấy việc đánh trống Xây châu của mỗi đình không hoàn toàn giống nhau.



ĐẠI BỘI

Khi tiếng trống xây châu dứt, ông chấp sự gác roi châu, nhạc lễ liên trỗi điệu song hỉ còn gọi là rước châu; rồi thì các đào kép hát bội xuất hiện ở sân khấu, bắt đầu lễ Đại bội. Lễ xây châu đã khai thông thái cực thì lễ đại bội tiếp tục hình tượng hóa sự biến dịch theo quan niệm thái cực sinh lưỡng nghi, tam tài, tứ tượng, bát quái qua diễn xuất của các diễn viên hát bội. Lời hát và vũ điệu của diễn viên khuôn phép, mang ý nghĩa nghi lễ.

Đại bội gồm các tiết mục như sau :

Khai thiên thông địa: Một kép hát hóa trang thành ông Bàn Cổ cầm nhang múa, điểm hương bốn phía, không hát, với ý nghĩa thái cực đang vận hành.

* Xang nhật nguyệt: Hai diễn viên, một nam, một nữ hóa trang tượng trưng cho nhật, nguyệt. Nam mặt đỏ, cầm đĩa tròn bọc vải đỏ tượng trưng cho mặt trời thuộc dương. Nữ mặt trắng, cầm đĩa tròn bọc vải trắng tượng trưng cho mặt trăng, thuộc âm. Diễn viên nam nữ cùng múa biểu hiện sự giao hòa, tương sinh tương khắc giữa âm - dương.

* Tam tài: còn gọi là Tam hiền, Tam đa gồm 3 diễn viên hóa trang thành ông Phúc, ông Lộc, ông Thọ tượng trưng cho Thiên - Địa - Nhân. Ba ông cùng ra sắp hàng ngang, không múa, lần lượt hát những câu chúc: Phúc - Lộc - Thọ.

* Tứ Thiên vương: Tượng trưng cho tứ tượng: Thái dương, Thái âm, Thiếu dương, Thiếu âm do 4 diễn viên nam hóa trang giống nhau lần lượt xuất hiện rồi cùng múa; cuối cùng cả bốn chụm lưng nhau, giương 4 câu liên: Bốn câu liên được Ban Tế tự rước lấy, có thưởng tiền cho "Tứ vị Thiên vương".

* Lễ Đứng cái: Tượng trưng cho ngũ hành, gồm 1 diễn viên nam đứng tuổi (cái); 4 diễn viên nữ trẻ hơn đứng 4 góc (con); Cái thuộc hành Thổ tên là Viên (vườn), các con thuộc hành Mộc (áo xanh) tên Mai, hành Hỏa (áo đỏ) tên Lan, hành Kim (áo trắng), hành Thủy (áo tím). Cái và 4 con xếp hàng hát thài những bài hát mang nội dung ước mong quốc thịnh, dân cường, an khang, hạnh phúc.

* Lễ gia quan tấn tước: Là lễ phụ do một người đóng vai Linh quan (thường dưới hình dạng ông Địa, vui tính) cầm quạt múa vui sau đó múa bút viết 1 câu liên "Gia quan Tấn tước" (thăng quan tiến chức) giao cho Ban tế tự. Đây là các tiết mục đầy đủ của Đại bội nhưng không nhất thiết phải thực hiện tất cả. Chọn diễn một số trong các tiết mục nêu trên còn gọi là "Tiểu bội".

ĐOÀN HÁT BỘI - TUỒNG CÔ
NGỌC KHANH



HÁT CHÂU

Hát châu tức hát bội, trước để cúng thần (chức năng chính), sau để giúp vui cho dân làng. Tuồng diễn (thường là 3, 4 tuồng) đều phải tuân thủ một cách nghiêm ngặt những quy phạm chính thống. Điều này thể hiện rõ trong hầu hết mọi nghi thức, nhất là phần lễ tôn vương. Nói chung, các vở diễn đều phải biểu hiện cho được ý nghĩa: "trung thẳng nịnh, chính thẳng tà" và kết thúc bằng một màn tôn chân chúa (tôn vương) hay tôn soái. Tuồng hát bội mà các đình thường chọn hát là San Hậu (tôn vương), Phàn Lê Huê (tôn nữ soái), Tiết Nhơn Quý (tôn soái)... Ở Đình Châu Phú các tuồng được chọn hát thường là: Trần Bình Trọng, Sát Thát, Trưng Nữ Vương, Lưu Kim Đính, San hậu...

HÁT BỘI - TUÔNG CÔ
ĐỘC KHÁNH





HAILE



LỄ CHÁNH TẾ HOẶC ĐÀN CẢ

Lễ Chánh tế còn gọi là Đoàn cả hoặc Đàn cả, diễn ra vào sáng ngày thứ ba của lễ Kỳ Yên, tùy từng địa phương. Cũng theo sách Gia Định thành thông chí, thì lễ Chánh tế được tổ chức vào sáng hôm thứ hai của lễ Kỳ yên, với phần nghi thức giống như lễ Túc yết. Cổ lệ chọn giờ này (giờ Tý) bắt nguồn từ quan niệm dịch lý: đây là giờ "âm lão, dương khởi", tức là mọi điều tốt lành bắt đầu nảy sinh. Việc hành lễ tương tự như lễ túc yết, duy chỉ khác câu ở phần ải phước: lễ túc yết xướng Nghinh thần cúc cung bái, thì ở lễ này xướng câu Tạ thần cúc cung bái. Theo Sơn Nam thì Lễ Đàn Cả là quan trọng nhất. Nhà văn viết: "... trước đó có lễ Túc yết, tức là ban Tế lễ, gom lại, trình diện, diễn tập, có thể so sánh với dịp cúng giỗ ông bà, trước ngày giỗ chánh thức là buổi cúng Tiên. Đình nào khiếm tốn thì bỏ lễ Túc yết cho bớt kinh phí... Vẫn chưa dứt khoát về tên gọi: Đàn hay Đoàn.





LỄ TẾ TIÊN HIÊN - HẬU HIÊN

Đây là lễ tế các vị tiên nhân đã có công lập làng, lập đình và các anh hùng liệt sĩ địa phương. Có đình tiến hành lễ này ngày sau khi lễ đoàn cả xong, nhưng cũng có đình để sang ngày thứ ba. Điều đặc biệt trong lễ này là cử nhạc lễ theo điệu Nhịp Bựa, nhưng hoàn toàn mang hơi Ai, khác với lễ Túc yết và lễ đoàn cả đều hoàn toàn mang hơi xuân.

LỄ HỘI SẮC NÔI SẮC

Tức đưa sắc thân về nơi cũ. Nghi thức lễ diễn ra tương tự như khi thỉnh. Sau lễ này, các lư hương của chư thân trong lễ Nghinh cũng hoàn về nơi thờ phụng họ.

Sắc thân được để tại đình ba ngày lễ và đến chiều ngày cuối cùng lại đưa sắc thân về nơi cất giữ gọi là lễ hồi sắc. Nghi hồi sắc: tế một tuần hương, ba tuần rượu, một tuần trà, đọc một bài văn tế gọi là lòng văn tống; rồi chúc việc đứng đầu bưng hộp đựng sắc trao cho chánh hội (hay chánh ban quý tế...) để ông đem ra đặt vào long đình. Khi sắc tới nơi cất giữ cũ lại cử hành lễ an vị: một tuần hương, ba tuần rượu, một tuần trà.





ĐOÀN HÁT B
NGỌC

HÁT BỘI

ÔI - TUÔNG CÔ KHANH





Ở lễ Kỳ yên, phần "lễ" chiếm phần quan trọng hơn phần "hội". Các đối tượng cúng lễ là một tập hợp thần linh đồng đạo không chỉ riêng có thần Thành hoàng Bốn cảnh. Lễ này là dịp để dân làng họp mặt, bàn chuyện, vui chơi. Những tục lệ này nhằm thắt chặt tình cộng đồng. Còn hát xướng trong ngày lễ Kỳ yên không phải là văn nghệ bình thường mà mang nội dung nghi lễ. Chương trình văn nghệ phải có nội dung đạo lý, kết thúc có hậu. Ở đình Phú Nhuận thường diễn các vở tuồng cổ vài các đêm để phục vụ bà con khán giả xem và những vở diễn được chọn lọc như “ĐIỀN ĐÓN HỘI TAM THÊ” , “Tiết Nhơn Quý Chinh Đông”, “Đường Về San Hậu (Tôn Vương)”



HƯÂN ĐỊNH
NHÀ MÀU
ĐẠI LỄ KỶ YÊN
NHÂM NGÀY 09-10-11 THÁNG 2 NĂM 2020







BIỆN ĐỒN

HỘI TRẠI THỂ





ពិធី កម្ពុជា

ក្នុង ឆ្នាំ ២០២៤



SAN K



អរិយធម៌ ខ្មែរ-ចិន រួមគ្នា